

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST

Ngày 25/8/2025

“ V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Trần và bà Trần Thị Học.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X , sinh năm 1994; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ), có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T có kết hôn với nhau ngày 09/10/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh T tại thôn V, xã Đ, huyện T. Cuộc sống ban đầu có hòa thuận, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm không đưa tiền cho vợ để trang trải cuộc sống sinh hoạt gia đình mà thường xuyên chơi bời nên tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Anh T1 thường xuyên chơi bời về khuê và đánh đập chị đỉnh điểm là tháng 3 năm 2025 anh T1 cứ đi chơi về là đánh chị nên chị không chịu được và chị đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã Đ sinh sống từ tháng 03 năm 2025 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Ly hôn, quan điểm của chị xin được nuôi hai con và yêu cầu anh T1 đóng góp nuôi con 1.000.000đ/1 tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Còn nếu cháu

P và cháu L muốn ở với bố thì chị đồng ý giao cho anh T1 nuôi hai cháu và chị có trách nhiệm đóng góp nuôi con 1.000.000đ/1 tháng cho mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay chị có quan điểm về con chung. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T1 và nguyện vọng của hai cháu muốn ở với anh T1 nên chị đồng ý giao hai cháu cho anh T1 nuôi dưỡng. Trước khi ly thân vợ chồng anh chị đã xây nhà hai tầng hiện nay anh T1 và hai cháu đang ở, các cháu có nhà ở để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập của hai cháu. Còn về đóng góp nuôi con quan điểm của anh T1 không yêu cầu chị phải đóng góp nuôi con chung thì chị đồng ý không phải đóng góp nuôi con.

Về tài chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Anh Hoàng Văn T và chị Lê Thị X có kết hôn với nhau ngày 09/10/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị X về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà anh T tại thôn V, xã Đ. Cuộc sống ban đầu có hòa thuận, đến tháng 4 năm 2025 thì chị X bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay chị X làm đơn xin ly hôn quan điểm của anh muốn chị X về đoàn tụ để nuôi dạy con chung còn chị X cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Ly hôn, quan điểm của anh xin được nuôi hai cháu vì hai cháu vẫn đang ở với anh và không yêu cầu chị X phải đóng góp nuôi con chung. Anh làm nghề lao động tự do có thu nhập và có nhà cửa ổn định nên đảm bảo để nuôi hai cháu.

Về tài chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã Đ cung cấp Chị X và anh T có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2013 tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Đến nay chị X có đơn xin ly hôn anh T. Quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Chị Lê Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Hoàng Văn T hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh PHÚ THỌ, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh T xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị X và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị X trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T chơi bời về đánh đập chị nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 03 năm 2025 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau. Đến nay chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T thì anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa chị X và anh T không thể tiếp tục được vì anh, chị có mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân; điều đó khẳng định anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Lê Thị X được ly hôn với anh Hoàng Văn T là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Xét thấy việc xin nuôi con của chị X và anh T đều chính đáng. Xét thấy hai cháu P và L đều trên 7 tuổi. Tòa án tiến hành lấy lời khai nguyện vọng hai cháu đều muốn ở với bố và hiện nay hai cháu đang ở với bố và chị X đồng ý giao hai cháu cho anh T nuôi dưỡng nên giao cháu P và cháu H cho anh Hoàng Văn T được chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi cháu P và cháu L là phù hợp. Chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và vay nợ: Chị X và anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn T.

[2] Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh P, sinh ngày 10/8/2012 và cháu Hoàng Ngọc L, sinh ngày 02/6/2014. Chị Lê Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và chị X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn: Các đương sự có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con sau ly hôn và quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị X và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị X phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001265 ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Lê Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Chị Lê Thị X có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hoàng Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;*
- *Chi cục THADS tỉnh Phú Thọ;*
- *UBND xã Đạo Trù,*
- *Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

